

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Sơn và ông Bùi Công Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Thanh T – Sinh năm: 1996 – Nơi cư trú: Xóm 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị N – Sinh năm: 1990 – Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2022, nội dung bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Thị Thanh T trình bày:*

Ngày 24/5/2022, chị Võ Thị N vay của chị Cao Thị Thanh T số tiền 100.000.000 đồng, mục đích lấy hàng giày dép để kinh doanh, hẹn trong thời hạn 01 ngày sẽ trả. Hình thức cho vay là chị T chuyển khoản vào tài khoản của chị Võ Thị N có số tài khoản là 19499999999 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn. Sau khi nhận được tiền vay do chị T chuyển, chị N viết giấy vay tiền và giấy sang nhượng cửa hàng giày dép với mục đích nếu chị N không trả được nợ cho chị T thì chị N phải chuyển nhượng cửa hàng giày dép của chị N lại cho chị T để trừ nợ.

Đến hạn trả nợ, chị N không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận, chị T cũng đã nhiều lần yêu cầu chị N trả nợ, tuy nhiên, chị N mới chỉ trả cho chị T số tiền 48.500.000 đồng, còn nợ 51.500.000 đồng. Nay chị T yêu cầu Tòa án buộc chị N thanh toán cho chị T số tiền nợ gốc còn lại là 51.500.000 đồng và tiền lãi suất theo ngân hàng từ ngày vay là ngày 24/5/2022 đến nay là ngày 28/02/2023. Đối với Giấy sang nhượng cửa hàng giày dép, do lúc đầu thỏa thuận nếu chị N không trả nợ thì sang nhượng cho chị T. Tuy nhiên, sau đó chị N đã viết giấy vay nợ và đã trả 1 phần nợ nên việc sang nhượng cửa hàng giày dép không thực hiện nên chị T không có yêu cầu gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị N cố tình vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành, cố tình vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Thanh T số tiền nợ gốc là: 51.500.000 đồng và tiền lãi suất là 3.903.983 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 55.403.983 đồng. Về án phí: Chị Võ Thị N phải nộp 2.770.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Cao Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại: TDP 4, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị N tuy nhiên chị N vẫn không hợp tác đến làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị Võ Thị N vẫn cố

tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 24/05/2022, chị Võ Thị N đã vay của chị Cao Thị Thanh T số tiền 100.000.000 đồng, hẹn sau 01 ngày sẽ trả. Sau khi nhận được tiền vay do chị T chuyển, chị N viết giấy vay tiền và giấy sang nhượng của hàng giày dép với mục đích nếu chị N không trả được nợ cho chị T thì chị N phải chuyển nhượng của hàng giày dép của chị N lại cho chị T để trừ nợ. Tuy nhiên, sau đó chị N đã trả 1 phần nợ nên việc sang nhượng của hàng giày dép không thực hiện nên chị T chỉ yêu cầu chị N trả số nợ còn lại. Mặc dù chị T đã yêu cầu chị N trả tiền nhiều lần nhưng chị N cứ hẹn lần này đến lượt khác, thậm chí trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Sau nhiều lần hỏi nợ, chị N mới chỉ trả cho chị T số tiền 48.500.000 đồng. Số tiền chị N còn nợ chị T là 51.500.000 đồng. Nay chị T yêu cầu chị N trả cho chị T số tiền nợ gốc là 51.500.000 đồng và tiền lãi suất theo ngân hàng từ ngày vay là ngày 24/5/2022 đến nay là ngày 28/02/2023. Đối với Giấy sang nhượng của hàng giày dép, do lúc đầu thỏa thuận nếu chị N không trả nợ thì sang nhượng cho chị T. Tuy nhiên, sau đó chị N đã viết giấy vay nợ và đã trả 1 phần nợ nên việc sang nhượng của hàng giày dép không thực hiện nên chị T không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị Võ Thị N biết chị Cao Thị Thanh T đang yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng chị N cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh nơi cư trú, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị N song chị N vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù, chị N đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị N vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, chị N đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của đương sự được pháp luật quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và thể hiện sự coi thường pháp luật.

HĐXX xét thấy: Mặc dù chị N không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 24/5/2022, chị Võ Thị N vay của chị Cao Thị Thanh T số tiền 100.000.000 đồng, mục đích lấy hàng kinh doanh, hẹn trong vòng 01 ngày sẽ trả, hình thức cho vay là chuyển khoản. Để đảm bảo khoản vay, chị N đã viết giấy vay tiền hẹn 1 ngày sẽ trả. Tuy nhiên, đến hạn, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Mặc dù, chị T đã nhiều lần yêu cầu chị N trả nợ, nhưng chị N mới chỉ thanh toán cho chị T số tiền 48.500.000 đồng, còn nợ số tiền 51.500.000 đồng. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc là 51.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều

466 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, cần buộc chị Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 51.500.000 đồng.

Về tiền lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Cao Thị Thanh T yêu cầu chị Võ Thị N trả tiền lãi suất từ ngày 24/5/2022 đến ngày 28/2/2023 theo lãi suất ngân hàng. Xét yêu cầu của chị Cao Thị Thanh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 4 điều 466 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận là đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi vay hai bên không thỏa thuận việc trả lãi suất nhưng khi đến hạn trả nợ, mặc dù chị T đã hỏi nhiều lần nhưng chị N vẫn không trả nợ. Vì vậy, cần buộc chị N trả lãi suất cho chị T theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Xét các khoản vay giữa chị N và chị T tại thời điểm vay không có thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tức là bằng 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng. Do đó, tiền lãi suất của số tiền 51.500.000 đồng tính từ ngày 24/5/2022 đến ngày 28/02/2023 là 09 tháng 04 ngày, tương ứng với số tiền: 3.903.983 đồng (Ba triệu, chín trăm linh ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng). Nên cần buộc anh Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Thanh T số tiền lãi suất là: 3.903.983 đồng (Ba triệu, chín trăm linh ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Như vậy, cần buộc chị Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 51.500.000 đồng (Năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi suất là: 3.903.983 đồng (Ba triệu, chín trăm linh ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 55.403.983 đồng (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm linh ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng) là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu của chị Cao Thị Thanh T được chấp nhận nên chị Võ Thị N phải nộp 2.770.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

- **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Thanh T.

Buộc chị Võ Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Cao Thị Thanh T số tiền nợ gốc là: 51.500.000 đồng (Năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi suất

là: 3.903.983 đồng (Ba triệu, chín trăm linh ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi suất là: 55.403.983 (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm linh ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Võ Thị N phải nộp 2.770.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Cao Thị Thanh T số tiền 1.287.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai số 000236 ngày 13 tháng 10 năm 2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lệ Hằng

